

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: Pháp luật về quyền con người

Định hướng: Nghiên cứu

Mã số: 8380101.07

(Ban hành theo Quyết định số 811/QĐ-ĐHQGHN, ngày 21 tháng 3 năm 2019
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Pháp luật về quyền con người
 - + Tiếng Anh: Human Rights Laws
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.07
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật
 - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành pháp luật về quyền con người theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo những chuyên gia có kiến thức cơ bản, toàn diện, chuyên sâu về các vấn đề lí luận và pháp luật (quốc tế, quốc gia) về quyền con người, có năng lực, kĩ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội; tư duy, kiến thức, kĩ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo trang bị cho người học những kiến thức toàn diện, ở trình độ cơ bản và nâng cao về lí luận và pháp luật về quyền con người, bao gồm: những vấn đề lí luận cơ bản và hiện đại về quyền con người; hệ thống tiêu chuẩn và

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	64 tín chỉ , trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	08 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	36 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	16 tín chỉ
+ <i>Tự chọn</i> :	20/40 tín chỉ
- Luận văn thạc sĩ:	20 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2		Ngoại ngữ cơ bản (*) <i>Basic Foreign Languages</i>	4	35	15	10	
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>Basic English</i>					
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản <i>Basic Russian</i>					
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>Basic French</i>					
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản <i>Basic German</i>					
	CHI5001	Tiếng Trung cơ bản <i>Basic Chinese</i>					
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36				
II.1	Các học phần bắt buộc <i>Compulsory Subjects</i>		16				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal research methods</i>	2	18	6	6	
4	CAL6014	Triết học và tư tưởng về quyền con người <i>Philosophy and Thoughts of Human Rights</i>	3	27	9	9	
5	CAL6015	Các nguyên tắc và tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người <i>International Human Rights Principles and Standards on Human Rights</i>	3	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
6	CAL6016	Pháp luật quốc tế về quyền con người của các nhóm dễ bị tổn thương <i>International Law on Human Rights of Vulnerable Groups</i>	3	27	9	9	
7	CAL6017	Cơ chế quốc tế về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người <i>International Mechanism on Protection and Promotion of Human Rights</i>	3	27	9	9	
8	CAL6019	Pháp luật và cơ chế bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền ở Việt Nam <i>Laws and Mechanism for Protection and Promotion of Human Rights in Vietnam</i>	2	18	6	6	
II.2	Các học phần tự chọn <i>Optional Subjects</i>		20/40				
9	CAL6018	Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người <i>Viewpoints, Policies of Communist Party and State of Vietnam on Human Rights</i>	2	18	6	6	
10	CAL6020	Tư tưởng nhân đạo, nhân quyền trong lịch sử Việt Nam <i>Thoughts of Humanity and Human Rights in History of Vietnam</i>	3	27	9	9	
11	CAL6021	Quyền con người trong một số ngành luật quốc tế khác <i>Human Rights in some other branches of international law</i>	3	27	9	9	
12	CAL6022	Quyền con người và phát triển xã hội <i>Human Rights and Social Development</i>	3	27	9	9	
13	CAL6023	Pháp luật và cơ chế khu vực về quyền con người <i>Regional Laws and Mechanisms for Human Rights</i>	3	27	9	9	
14	CAL6024	Pháp luật và cơ chế quốc gia về quyền con người <i>National Laws and Mechanisms of Human Rights</i>	3	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
15	CAL6025	Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp <i>Human Rights in the Administration of Justice</i>	3	27	9	9	
16	CAL6026	Luật nhân đạo quốc tế <i>International Humanitarian Law</i>	3	27	9	9	
17	CAL6027	Hiến pháp và quyền con người <i>Constitutions and Human Rights</i>	3	27	9	9	
18	CAL6028	Quyền con người trong quan hệ quốc tế <i>Human Rights in International Relations</i>	3	27	9	9	
19	CAL6029	Toàn cầu hóa và quyền con người <i>Globalization and Human Rights</i>	3	27	9	9	
20	CAL6030	Quyền con người trong khu vực ASEAN <i>Human Rights in ASEAN</i>	2	18	6	6	
21	CAL6031	Quyền trẻ em trong pháp luật quốc tế và Việt Nam <i>The rights of the child in international and Vietnamese law</i>	2	18	6	6	
22	CAL6032	Dân chủ, dân chủ hóa và quyền con người <i>Democracy, democratization and Human Rights</i>	2	18	6	6	
23	CAL6033	Lí luận và pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo <i>Theory and law on freedom of religion and belief</i>	2	18	6	6	
III	CAL7201	Luận văn thạc sĩ	20				
Tổng cộng			64				

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.